



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____
VEWL.# _____
I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN CONG LY
Last Middle First

Current Address: 50 Ấp 4, Xã Tân Quý Đông, Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh

Date of Birth: 19-11-1943 Place of Birth: THU DẦU MỘT

Previous Occupation (before 1975) 1st Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 4/1975 To 5/1978
Years: 3 Months: 0 Days: 22

3. SPONSOR'S NAME: Edward Martin COYLE
Name

Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Ed. Martin Coyle</u>	<u>Sponsor</u>
<u>Mrs. Harry L. Davis</u>	<u>Aunt</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: July 21st 1990

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01. Trương Thị Minh Châu	1950	Wife
02. Trương Quốc Thái	1971	Son (son)
03. Trương Thanh Liễu	1974	Daughter
04. Nguyễn Thanh Tùng	1975	Son (son)

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

2nd Re-education in Minh-Hai from 19/4/1984 to 12/4/1985.

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ TỤC

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYỄN CÔNG LÝ
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)
DATE, PLACE OF BIRTH : 11 19 1948
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)
SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____
MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):
ADDRESS IN VIETNAM : 5D Ấp 4 Xã Tân-Quy-Dương - Nhà Bè
(Dia chi tai Viet-Nam) TP. Hồ Chí Minh.
POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 4/1975 To (Den): 5/1978
PLACE OF RE-EDUCATION: CÁ-TUM + HỌC MỒ
CAMP (Trai tu)
PROFESSION (Nghe nghiep): _____
EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): KHÔNG
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): TRUNG-ÚY
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): TRƯỞNG BAN VĂN THƯ
SỞ ĐOÀN 3 PHƯỜNG QUẬN Date (nam): 1968-1975
APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so): _____
No (Khong): _____
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 0/1
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti.
MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 5D Ấp 4 Xã Tân-Quy-Dương
NHÀ BÈ, Thành Phố Hồ Chí Minh.
NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Mrs. Henry Davis 2120 East 5th Street
San Jose Calif 94510
U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): Yes No (Khong): _____
RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Đi
NAME & SIGNATURE: Thanh NGUYỄN-CÔNG-LÝ
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) 5D Ấp 4 Xã Tân
Quy-Dương, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.
DATE: 01 21 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

1. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01. Trương Thị Minh Châu	1950	Wife
02. Trương Quốc Thái	1971	Son (son)
03. Trương Thanh Liên	1974	Daughter
04. Nguyễn Thanh Tùng	1975	Son (son)

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

2nd Re-education in MINH-HAI from 19/4/1981 to 12/4/1983



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: _____

Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYỄN CÔNG LÝ
Last Middle First

Current Address: 5^D Ấp 4, Xã Tân Quy Long, Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh.

Date of Birth: 19-11-1963 Place of Birth: THO DAU MOT

Previous Occupation (before 1975) 1st Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 4/1975 To 5/1978
Years: 3 Months: 1 Days: 22

3. SPONSOR'S NAME: Edward Martin 0918
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

- Ed Martin 0918

Sponsor

- Mrs Harry G

Aunt

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: July 21st 1980

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
a. Trương Thị Minh Châu	1950	Wife
b. Trương Quốc Thái	1971	Son (son)
c. Trương Thanh Liễu	1974	daughter
d. Nguyễn Thanh Trung	1975	Son (son)

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

5. ADDITIONAL INFORMATION :

2nd Re-education in Minh-Hoi from 19/4/1981 to 12/4/1983-

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGOQUEN CONG CU
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH :
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu):

MARITAL STATUS Single (Doc than): Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : SĐ Ấp 4, Xã Tân-Quy-Dương, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong)
If Yes (Neu co): From (Tu): 4/1975 To (Den): 5/1978

PLACE OF RE-EDUCATION: CÁ-TUM, HỒI MÔN
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep):

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): KHON
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Trung-1ly
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): TRONG BAN VAN THU
SĐ ĐƠN 3 K. ĐƠN Date (nam): 1968-1975

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X
IV Number (So ho so):
No (Khong):

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 04
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti.

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): SĐ Ấp 4, Xã Tân-Quy-Dương, Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh.

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
Bernice Calif. 94510

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong):

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Đi

NAME & SIGNATURE:
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: 4 21 1990
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
01. Trương Thị Minh Châu	1950	Wife
02. Trương Quốc Thái	1971	Son (son)
03. Trương Thanh Lê	1974	daughter
04. Nguyễn Thanh Tùng	1975	Son (son)

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :

2nd Re-education in MINH-HAI from 19/4/1981 to 12/4/83 -

NGUYỄN - CÔNG - LÝ

50/17 ấp 4 Tân-Lưu-Dãy

Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh.

CH

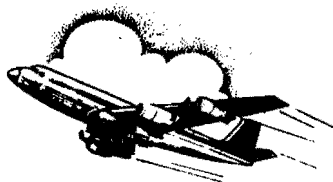
PARAVION



MIS MINH - THỦ KHUỐ

P.O BOX 5435 - ARLINGTON VA 22205-0635

AUG 13 1990



PAR AVION VIA AIR MAIL

- USA -



BUU CHINH
Service des Postes

(1)



BD. 2e
(29. và 29a)

C. 5

Lat-an Bu
hoan gay l.
Timbre d'ber
... 05
... reu-von

GIẤY ĐÓNG

Avis de (2)

Trả tiền
Payment

MEM 74-1000-10

(3)

Đĩa chì

Adresse :

٢٠ (د)

17-00000 (P. 15)

Tâm Quy Nhà Bè
Thành Phố Hồ Chí Minh

- (1) Nếu giấy báo này hoàn lại bằng máy bay thì phải ghi rõ « Hoàn lại bằng máy bay
Si le présent avis doit être renvoyé par avion, le revêtir de la mention très apparente « Renvoier par avion »
 và dán lá nhãn hoặc đóng dấu màu xanh « *Par avion* »
et de l'étiquette ou d'une empreinte de couleur bleue « Par avion ».
- (2) Gạch bỏ phần không thích hợp (*Biffer ce qui ne convient pas*).
- (3) Do người gửi ghi địa chỉ của họ để gửi hoàn giấy báo này.
A remplir par l'expéditeur, qui indiquera son adresse pour le renvoi du présent avis.

Bưu phẩm ghi số (1)

Envoi recommandé

Ký gửi tại Bưu cục

déposé au bureau de poste de

ngày

le

19 84

số

sous le n°

địa chỉ người nhận

Adresse du destinataire

THE DIRECTOR OF ODP

131 Soi Tien Siang South Sathorn Road
BANGKOK 130 THAILAND

Người ký tên dưới đây khai rằng bưu phẩm ghi trên đây đã phát.

Le soussigné déclare que l'envoi mentionné ci-dessus a été effectivement livré

ngày

le

Chữ ký người nhận

Signature du destinataire (r)

Chữ ký nhân viên

Bưu cục nhận

Signature de l'agent

du bureau destinataire

Nhật ấn bưu cục nhận

Timbre du bureau

destinataire

(1) Nếu phát cho người được ủy quyền, nhân viên ghi dưới chữ ký « được ủy quyền ».
Nếu phát chậm ghi lý do như « Người nhận báo lần thứ 3 mới đến ».

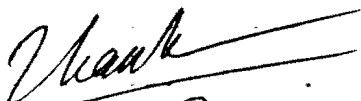
Saigon 21-7-1990.

Kính Chị Thư.

Chúng tôi kính gửi đến Quý Hội, đơn,
giấy ra trục, giấy báo chuyển hồ sơ trước
kia đề kính nhờ Quý Hội can thiệp, thúc
hối giúp đỡ chúng tôi trước tiên ra đi.

Trân trọng cảm tạ Quý Anh Chị Em sẽ
sự tận tình giúp đỡ chúng tôi.

Kính.


Nguyễn Công Lý.

BỘ QUỐC PHÒNG

Cục Quân Mưu

Đoàn 700

Số: 3988/QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 16/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng, phái, phân đội, liên danh bị tập trung cải tạo.

Căn cứ Thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/Ttg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện quyết định số 133-20 ngày 12-5-1978 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên:

NGUYỄN CÔNG LÝ

L19-T5

Ngày, tháng, năm sinh: 1943

Quốc tịch: Thủ đầu Một

(+) Họ tên: LỘC. Cư xã Tân Quy Đông, Tân Quy Đông, Nhà b

Nơi cư trú:

Số 111, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các
tổ chức chính trị phân động của chế độ cũ: 63/601.521-Trung úy.

Trước ban vận hành Sư đoàn 3 Không quân.

Địa chỉ, phân đội tập trung này (chỉ rõ với Ủy Ban Nhân dân và công an xã, thị trấn): Tân Quy Đông thuộc Huyện,

Quận: Thủ Đức

Tỉnh, Thành phố: HỒ CHI MINH

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quân lý khác.

- Thời hạn quản chế: Sáu tháng

- Thời hạn đi đường: _____ ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương tháng đi đường đã cấp:

(+) Tạm trừ LỘC Lương hưởng chế độ của chính quyền địa phương đi vùng KTM.

Ngày 22 tháng 5 năm 197 7.

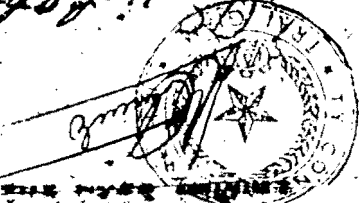
BỘ TƯ LỆNH ĐOÀN 700.

Trung tá: HOÀNG VĂN ĐÀN

02 001 44 R

SECRET

Dr. J. M. Smith, M.D.



NOV-1961 10-10 11-10

NY 100 100 100

NO. 67-198

NY 100-87690

0903 NOV 76 YK FOR CNO VIKING JPLA NVA